

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2023/HNGĐ-PT

Ngày: 16-8-2023

V/v “Xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Vân

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Thanh

Ông Nguyễn Thành Tâm

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Nhân – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình phúc thẩm số 24/2021/TLPT-HNGĐ ngày 19/10/2021 về việc: “Xin ly hôn”.

Do Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 06/2021/HNGĐ-ST ngày 25/5 và ngày 01/6/2021 của Tòa án nhân dân huyện Đạ Tẻh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 108/2023/QĐ-PT ngày 10/7/2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 115/2023/QĐ-PT ngày 31/7/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Bích L, sinh năm: 1976.

Địa chỉ: Thôn B, xã A, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

2. Bị đơn: Anh Phạm Văn Th, sinh năm: 1971.

Địa chỉ: Thôn B, xã A, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Phạm Ninh H, sinh năm 1967. Địa chỉ: Thôn H, xã A, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng theo văn bản uỷ quyền ngày 21/11/2021.

3. Người có quyền L nghĩa vụ liên quan:

3.1/ Anh Phạm Văn P, sinh năm: 1994.

3.2/ Chị Phạm Thị Thu L, sinh năm: 1995.

Cùng địa chỉ: Thôn B, xã A, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Người kháng cáo bị đơn ông Phạm Văn Th.

(Chị L, anh Th, ông H, anh P có mặt tại phiên toà; chị L có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1.Theo đơn khởi kiện ngày 08/5/2019, bản tự khai, biên bản hoà giải và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bích L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Bích L và anh Phạm Văn Th chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn vào năm 1991 tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Sau một thời gian chung sống cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, thường xảy ra mâu thuẫn. Anh Phạm Văn Th thường xuyên khùng bố tinh thần chị nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị xin được ly hôn với anh Phạm Văn Th.

+ Về con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung là Phạm Văn P, sinh ngày 02/02/1994 và Phạm Thị Thu L, sinh ngày 06/6/1995. Nay các con đã trưởng thành có công ăn việc làm, ở với ai do các con tự quyết định.

Về tài sản chung gồm:

+ Đất ở: Thửa đất số 475, tờ bản đồ số 03, tại thôn B, xã A, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng, diện tích: 221,1m² (trong đó: Đất ở: 221,1m². Chưa được cấp GCNQSDĐ). Tài sản trên đất có: Nhà chính: Diện tích 64,97m²: Chiều rộng 7,3m; chiều dài 8,9m; Nhà phụ: Diện tích 36m²: Chiều rộng 9m; chiều dài 4m.

+ Thửa đất số 450, 451, 480, 481, 482, 483, 484, 485, 486, 487, tờ bản đồ số 03, tại thôn B, xã A, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Tổng diện tích đất: 6.870 m². (Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước: 6.870 m²). Tài sản trên đất: Gồm có cây trồng: Cây dừa xiêm: Trồng năm 2014, 07 năm tuổi, số lượng 50 cây.

+ Thửa đất theo hiện trạng sử dụng đất số 50, 52, 266, tờ bản đồ số 07 tại thôn 1, xã A, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng, tỉnh Lâm Đồng. Tổng diện tích đất: 18.975,4 m². Trong đó:

-Thửa đất số 50: Diện tích đất: 4.440,4m² (Đất chuyên trồng lúa nước);

-Thửa đất số 52: Diện tích đất: 9.178,2m² (Đất chuyên trồng lúa nước);

-Thửa đất số 266: Diện tích đất: 5.356,8m² (Đất chuyên trồng lúa nước);

Tài sản trên đất: Chị Nguyễn Thị Bích L không yêu cầu chia.

+ Thừa đất số 49, tờ bản đồ số 07, tại thôn M, xã A, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng đứng tên ông Ma Văn N diện tích đất: 1.950m² (Đất chuyên trồng lúa nước); Tài sản trên đất: Chị Nguyễn Thị Bích L không yêu cầu chia.

Chị Nguyễn Thị Bích L nhất trí tổng giá trị tài sản chung của vợ chồng được Hội đồng định giá xác định theo Biên bản định giá ngày 17/12/2020 là 2.316.046.280 đồng (Trong đó: Diện tích đất: 2.219.876.800 đồng; Nhà: 82.669.480 đồng; Cây trồng: 13.500.000 đồng).

Chị Nguyễn Thị Bích L yêu cầu Tòa án giải quyết chia đôi diện tích đất cho mỗi người được sử dụng 1/2 và cho chị được nhận phần đất ở, nhà ở vì bản thân đang bị bệnh tim. Còn chiếc xe máy cày và chiếc rơ móc chị không yêu cầu chia để cho anh Th được quyền sở hữu, sử dụng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị L cho rằng tài sản trên là tài sản chung hình thành trong thời kỳ hôn nhân nên cần chia đôi và thống nhất như ý kiến của chị L.

2. Bị đơn anh Phạm Văn Th trình bày:

Về quan hệ hôn nhân, con chung anh Phạm Văn Th trình bày. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận do chị L có quan hệ bồ bịch, cho đến năm 2016 thì quan hệ vợ chồng có chiều hướng xấu đi vì không còn tin tưởng vào nhau, anh cho rằng không bạo lực với chị L, hơn 5 năm nay anh ra ở riêng ngoài cái chòi do anh tự cất lên để ở. Nay chị L xin ly hôn anh không đồng ý.

Về tài sản chung: Anh yêu cầu chia thừa đất số 475, tờ bản đồ số 03 tại xã A, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng, tỉnh Lâm Đồng. Diện tích đất: 221,1m². Trong đó: Đất ở: 221,1m² chưa được cấp GCNQSDĐ làm 4 phần gồm cho anh, cho chị L cho con là Phạm Văn P và Phạm Thị Thu L. Còn thừa đất thừa 450, 451, 480, 481, 482, tờ bản đồ số 3, diện tích 3.739m² chia cho Phạm Văn P; thừa 483, 484, 485, 486, 487 tờ bản đồ số 3, diện tích 3.131m² chia cho Phạm Thị Thu L.

Anh Phạm Văn Th cho rằng các tài sản trên là tài sản của bố mẹ cho anh cho nên bây giờ để lại cho con.

Còn lại tài sản chung chia đôi cho anh Phạm Văn Th và chị Nguyễn Thị Bích L mỗi người được hưởng ½ cụ thể: thừa đất 49, tờ bản đồ số 7 diện tích 1950m², thừa đất 50, tờ bản đồ số 7, diện tích 4.440,4m², thừa đất 52 tờ bản đồ số 7, diện tích 9.178,2m² và thừa đất số 266, tờ bản đồ số 7, diện tích 5.356,8m². Đất tại thôn 1, xã A, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Đồng thời chị L phải thanh toán cho anh công sức đã bỏ ra để cải tạo đất.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh Th cho rằng tài sản trên cụ thể là thừa đất 475, tờ bản đồ số 03 tại xã A, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng, tỉnh Lâm

Đồng. Diện tích đất: 221,1m². Trong đó: Đất ở: 221,1m² chưa được cấp GCNQSDĐ chia làm 4 phần gồm cho anh Th, cho chị L cho con là Phạm Văn P và Phạm Thị Thu L. Đồng thời đưa hai con vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền L và nghĩa vụ L quan để chia cho con một phần tài sản.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Anh Phạm Văn P và chị Phạm Thị Thu L yêu cầu được nhận phần tài sản gồm các thửa đất thửa 450, 451, 480, 481, 482, tờ bản đồ số 3, diện tích 3.739m² chia cho Phạm Văn P; thửa 483, 484, 485, 486, 487, tờ bản đồ số 3, diện tích 3.131m² chia cho Phạm Thị Thu L và cho rằng đây là đất của ông bà để lại. Tại phiên tòa ngày 26/02/2021 Tòa án đã tạm ngừng phiên tòa để cho anh P và chị L cung cấp chứng cứ và làm các thủ tục theo quy định nhưng hết thời hạn tạm ngừng phiên tòa cũng không cung cấp chứng cứ.

Toà án đã tiến hành hoà giải nhưng không thành.

Tại bản án số 06/2021/HNGĐ-ST ngày 25/5 và ngày 01/6/2021 Tòa án nhân huyện Đa Tềh đã xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Bích L.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Bích L được ly hôn với anh Phạm Văn Th.

2. Về tài sản chung:

- Giao cho chị Nguyễn Thị Bích L được quyền sử dụng, sở hữu những tài sản gồm: Thửa đất 475, tờ bản đồ số 3, diện tích là 221,1m², trên đất có nhà: Nhà chính: Diện tích 64,97m²; Nhà phụ: Diện tích 36m², đất và nhà có giá trị 150.768.280 đồng, đất và nhà tại thôn B, xã A và các thửa đất số 450, 451, 480, 481, 482, 483, 484, 485, 486, 487 (thửa mới 1555), có tổng diện tích đất 6.870m². Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước: 6.870m², có giá trị 687.000.000 đồng và cây trồng cây trồng trên thửa đất số 450, 451, 480, 481, 482 là Cây dừa xiêm, số lượng 50 cây có giá trị 13.500.000 đồng, tờ bản đồ số 03, tại thôn B, xã A và thửa đất số 49, tờ bản đồ số 07, diện tích 1.950m², có giá trị 136.500.000 đồng, tại thôn M, xã A, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng đứng tên ông Ma Văn N. Tổng giá trị tài sản gồm đất ở, nhà và cây trồng là 987.768.280 đồng (chín trăm tám mươi bảy triệu bảy trăm sáu mươi tám ngàn hai trăm tám mươi đồng).

Giao cho anh Phạm Văn Th được quyền sử dụng, sở hữu những tài sản gồm: các thửa đất số 50, 52, 266, tờ bản đồ số 07, tại thôn M, xã A, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Tổng diện tích đất: 18.975,4m². Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước: 18.975,4 m². Tổng giá trị tài sản là 1.328.278.000 đồng (một tỷ ba trăm hai mươi tám triệu hai trăm bảy mươi tám ngàn đồng).

Anh Phạm Văn Th có trách nhiệm thanh toán cho chị Nguyễn Thị Bích L số tiền 170.254.860 đồng (một trăm bảy mươi triệu hai trăm năm mươi bốn ngàn tám trăm sáu mươi đồng) do nhận phần tài sản nhiều hơn.

Nếu anh Phạm Văn Th có khó khăn về chỗ ở thì được quyền lưu cư trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày quan hệ hôn nhân chấm dứt, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, quyền kháng cáo và trách nhiệm thi hành án của các đương sự.

Ngày 14/6/2021, anh Phạm Văn Th có đơn kháng cáo về phần tài sản chung.

Tại phiên tòa hôm nay, Nguyên đơn, bị đơn đã thỏa thuận được với nhau về việc chia tài sản chung, chi phí tố tụng và án phí.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng nêu ý kiến về việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại giai đoạn phúc thẩm Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định; nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quy định về quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 300 và khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn anh Phạm Văn Th, sửa bản án sơ thẩm theo hướng; Chấp nhận yêu cầu khởi kiện chia tài sản chung của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bích L đối với anh Phạm Văn Th, công nhận sự thỏa thuận của đương sự:

Giao cho chị L quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất (nhà ở diện tích 36m²) tại vị trí (1) diện tích 94m², thuộc một phần thửa số 475, tờ bản đồ số 03 tại thôn 3, xã A, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng; diện tích 1.780m² (vị trí 1) thuộc một phần thửa 1586 tại thôn 3, xã A, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng; diện tích 1.357,5m² (vị trí 3), thuộc một phần thửa số 1587 tại thôn 3, xã A, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng và nhận ½ cây trồng trên đất; diện tích 4.589,1m² (vị trí 1) thuộc một phần thửa đất số 52 tại thôn 3, xã A, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng và ½ cây trồng trên đất; thửa đất số 49, diện tích 1.950m² (diện tích đo đạc thực tế 2.467,2m²) và thửa 266 diện tích 5.356,8m². Ghi nhận sự tự nguyện của chị L về việc tặng cho con là Phạm Thị Thu L thửa số 49; cho Phạm Văn P thửa số 266 nên chị L, anh P được quyền sử dụng và đăng ký để sang tên đối với thửa đất được tặng cho này.

Giao cho anh Th quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất (nhà ở diện tích 64,7m²) tại vị trí số (2) diện tích 127,1m² thuộc một phần thửa số 475, tờ bản đồ số 3, xã A, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng; diện tích 1.780m² (vị trí số 2) thuộc một phần thửa 1586 tờ bản đồ số 3, xã A, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng; diện tích 1.357,5m² tại vị trí số (4) thuộc một phần thửa 1587 và nhận ½ cây trồng trên đất; diện tích 4.589,1m² tại vị trí số (2) thuộc một phần thửa 52 và ½ cây trồng trên đất. Các

đương sự phải chịu án phí tương ứng với phần tài sản được chia cụ thể; Chị L phải nộp 108.554.828đ/3.827.741.392đ, anh Th phải chịu 82.195.799đ/2.509.789.971đ án phí chia tài sản.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của anh Phạm Văn Th thực hiện đúng về hình thức, nội dung và thời hạn theo quy định tại Điều 272, Điều 273, Điều 279, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự, nên được chấp nhận để xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về quan hệ hôn nhân, con chung: Sau khi xét xử sơ thẩm, các đương sự không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị nên đã có hiệu lực pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của anh Phạm Văn Th về phần tài sản chung thì thấy rằng:

[3.1] Chị L, anh Th đều thừa nhận tài sản chung của vợ chồng gồm: Thừa số 475 diện tích là 221,1m²; các thửa đất số 450, 451, 480, 481, 482, 483, 484, 485, 486, 487 (thửa mới số 1586, 1587) có tổng diện tích đất 6.870m² cùng tờ bản đồ số 03, tại thôn 3, xã A, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng; thửa đất số 49 diện tích 1.950m²; thửa đất số 52 diện tích đất: 9.178,2m²; thửa đất số 266 diện tích đất: 5.356,8m², cùng tờ bản đồ số 07, tại thôn M, xã A, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Ly hôn anh Th, chị L đều có nguyện vọng được nhận tài sản bằng hiện vật để có đất ở và canh tác.

[3.2] Tại giai đoạn phúc thẩm, theo nội dung biên bản làm việc ngày 10/7/2023 chị L, anh Th đều đồng ý với kết quả đo chỉnh lý bản đồ địa chính thửa đất theo hiện trạng sử dụng đất của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đa Tẻh lập ngày 11/5/2023 và tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự thỏa thuận chia tài sản cụ thể như sau:

- Đối với thửa đất số 475, tờ bản đồ số 03, diện tích đất ở là 221,1m² tọa lạc tại thôn B, xã A, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Diện tích đất này chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất. Giao chị L được nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại vị trí số (1) diện tích là 94m², anh Th nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại vị trí số (2) diện tích 127,1m².

- Đối với thửa đất số 450, 451, 480, 481, 482, 483, 484, 485, 486, 487 (thửa mới số 1586, 1587), tờ bản đồ số 03, tại thôn B, xã A, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Tổng diện tích đất 6.275m². Giao chị L nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất diện tích 1.780m² (thuộc vị trí số 1), thuộc một phần thửa 1586 và diện tích 1.357,5m² thuộc một phần thửa 1587 (thuộc vị trí số 3). Anh Th nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất diện tích 1.780m² (vị trí số 2), thuộc một phần thửa 1586 và diện tích 1.357,5m² thuộc một phần thửa 1587 (vị trí số 4).

- Đối với thửa đất số 52, diện tích 9.178,2m² thuộc tờ bản đồ 07 tại xã A, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng, tỉnh Lâm Đồng. Giao chị L được nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất diện tích 4.589,1m² (vị trí 1). Anh Th nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất diện tích 4.589,1m² (vị trí số 2).

- Đối với thửa đất số 49, diện tích 1.950m² và thửa đất số 266, diện tích 5.356,8m² cùng tờ bản đồ số 07 tại xã A, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng, tỉnh Lâm Đồng. giao cho chị L được quyền sử dụng.

Chị L thỏa thuận cho con chung Phạm Thị Thu L; sinh năm 1995 thửa số 49, diện tích 1.950m² và cho con chung Phạm Văn P; sinh năm; 1994 thửa đất số 266, diện tích 5.356,8m² cùng tờ bản đồ số 07 tại xã A, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng, tỉnh Lâm Đồng.

Về giá trị của quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, các đương sự thống nhất đề nghị Tòa án căn cứ Kết luận định giá tài sản ngày 17/12/2020 của Hội đồng định giá huyện Đa Tẻh làm căn cứ giải quyết vụ án. Tuy nhiên, sau khi xét xử sơ thẩm anh Th không đồng ý với giá đã được định giá nên kháng cáo yêu cầu Thẩm định giá nên căn cứ kết quả thẩm định giá để làm căn cứ giải quyết vụ án cũng như tính án phí.

Về chi phí tố tụng: Anh Th thỏa thuận nhận chịu toàn bộ chi phí tố tụng (đã nộp và quyết toán xong).

Xét thấy; việc thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử phúc thẩm ra bản án phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, theo quy định tại khoản 1 Điều 300 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Về án phí: Các đương sự có nghĩa vụ chịu án phí tương đương với phần giá trị tài sản được nhận. Riêng phần tài sản chị L tặng cho hai con chung chị L đồng ý chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 300, khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, án phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận một phần kháng cáo của anh Phạm Văn Th. Sửa bản án sơ thẩm số 06/2021/HNGĐ-ST ngày 01/6/2021 của Tòa án nhân dân huyện Đa Tẻh. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1. Chị Nguyễn Thị Bích L được quyền sở hữu, sử dụng những tài sản sau: Quyền sở hữu, sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất diện tích 94m² (nhà ở diện tích 36m²) thuộc một phần thửa số 475, tờ bản đồ số 03, tại thôn B, xã A, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng (*thửa đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*); Quyền sử dụng diện tích 1.780m² đất (vị trí số 1), thuộc một phần thửa 1586 và diện tích 1.357,5m² thuộc một phần thửa 1587 (vị trí số 3) tờ bản đồ số 03 và sở hữu cây trồng trên đất tại thôn B, xã A, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng; Quyền sử dụng diện tích 4.589,1m² (vị trí số 1) thuộc một phần thửa số 52 tờ bản đồ 07 và cây trồng trên đất tại xã A, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng, tỉnh Lâm Đồng; Quyền sử dụng diện tích 1.950m² (diện tích đo đạc thực tế 2.467,2m²) thuộc thửa số 49 và Quyền sử dụng thửa đất số 266, diện tích 5.356,8m² cùng tờ bản đồ số 07 tại xã A, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng, tỉnh Lâm Đồng. Tổng trị giá tài sản là 3.827.741.329đ.

2. Anh Phạm Văn Th được quyền sở hữu, sử dụng những tài sản sau: Quyền sở hữu, sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất diện tích 127,1m² (nhà ở 64,97m²) thuộc một phần thửa số 475, tờ bản đồ số 03, tại thôn B, xã A, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng (*thửa đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*); Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất diện tích 1.780m² (vị trí số 2), thuộc một phần thửa 1586 và diện tích 1.357,5m² và cây trồng trên đất thuộc một phần thửa 1587 (vị trí số 4) tờ bản đồ số 03, tại thôn B, xã A, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng; Diện tích 4.589,1m² (vị trí số 2) và cây trồng trên đất thuộc một phần thửa số 52 tờ bản đồ 07 tại xã A, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng, tỉnh Lâm Đồng. Tổng trị giá tài sản là 2.509.789.971đ.

3. Ghi nhận sự thỏa thuận tự nguyện của chị L về việc tặng cho con chung Phạm Thị Thu L thửa đất số 49, diện tích 1.950m² và cho con Phạm Văn P diện tích 5.356,8m² thuộc thửa số 266, cùng tờ bản đồ số 07 tại xã A, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng, tỉnh Lâm Đồng.

(Tất cả các thửa đất các đương sự được chia đều tọa lạc xã A, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng, tỉnh Lâm Đồng).

(Kèm theo họa đồ đo chỉnh lý bản đồ địa chính thửa đất theo hiện trạng sử dụng đất của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đa Tễh ngày 11/5/2023)

Quy định cho các đương sự (chị L, anh Th và chị L, anh P) được quyền L hệ với cơ quan có thẩm quyền để điều chỉnh, đăng ký biến động sang tên thửa đất theo quy định của pháp luật.

4. Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị Bích L phải chịu 300.000đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 108.554.828đ án phí chia tài sản chung. Tổng cộng 108.854.828đ nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ

theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0009722 ngày 14/5/2019 và 13.000.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0009724 ngày 14/5/2019 đều của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đa Tềh. Chị L còn phải nộp 95.554.828đ (*Chín mươi lăm triệu, năm trăm năm mươi tư nghìn, tám trăm hai mươi tám đồng*) án phí còn thiếu.

Buộc anh Phạm Văn Th phải chịu 82.195.799đ án phí chia tài sản chung, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu số 0002114 ngày 23/7/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đa Tềh. Anh Th còn phải nộp 81.895.799đ (*Tám mươi một triệu, tám trăm chín lăm nghìn, bảy trăm chín chín đồng*) án phí còn thiếu.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDTC (1);
- VKSND tỉnh LĐ (1);
- TAND H. Đa Tềh (02);
- VKSND H. Đa Tềh (1);
- Phòng KTNV&THA (1);
- Các đương sự (4);
- Lưu AV – HS (3).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lê Thị Vân